

Số: 08/2022/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo số 707/BC-PC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng



QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Điều 1. Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 4, Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết

Thực hiện theo khoản 1, Điều 12, Chương III, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

1. Khảo sát, lập hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết: Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết để xác định sự phù hợp, cần thiết của liên kết trên địa bàn. Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất về sự phù hợp, Đơn vị chủ trì liên kết tiến hành lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Nộp hồ sơ

a) Đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi từ 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên (liên kết cấp tỉnh): Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cụ thể như sau:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Đối với dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Ban Dân tộc: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một huyện, thị xã, thành phố (liên kết cấp huyện): Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết theo quy định, cụ thể như sau:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Đối với dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Phòng Dân tộc: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế): Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3. Thẩm định hồ sơ

a) Đối với liên kết cấp tỉnh: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận hồ sơ; đại diện các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn cấp tỉnh có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); các thành viên là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

b) Đối với liên kết cấp huyện: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên gồm Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, đơn vị chuyên môn cấp huyện khác có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); các thành viên là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do.

c) Nội dung thẩm định: Xem xét, đánh giá hồ sơ, nội dung dự án bảo đảm theo quy định tại khoản 1 và điểm a, khoản 3, Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

4. Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của các cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo cho Đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Chương II **HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 4, Điều 22, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 5. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo Mẫu số 02, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, hồ sơ đề nghị gồm:

a) Biên bản họp dân theo Mẫu số 01 Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư theo Mẫu số 02 Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất

1. Lập hồ sơ dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ đề xuất dự án. Thành phần thủ tục, nội dung hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Nộp hồ sơ

a) Cộng đồng dân cư gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất.

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

3. Thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt, cụ thể như sau:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế): Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Đối với dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Phòng Dân tộc: Đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên gồm Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất.

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án và cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

d) Nội dung thẩm định: Xem xét, đánh giá hồ sơ, nội dung dự án bảo đảm theo quy định tại khoản 1 và điểm a, khoản 3, Điều 22, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

4. Phê duyệt dự án, phương án sản xuất

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án sản xuất theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 22, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo cho Cộng đồng dân cư biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Chương III HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ

Điều 7. Nội dung hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm các hoạt động phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

Điều 8. Quy trình, thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Đối với hình thức giao nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

b) Đối với hình thức đặt hàng: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

c) Đối với hình thức đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP./.

Phụ lục
MẪU HỒ SƠ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày tháng năm, tại tổ chức họp nhân dân để thảo luận lựa chọn nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ:.....

.....

- Thư ký cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ:.....

.....

II. Thành phần tham gia:

-

-

- Số hộ tham gia:.....hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn

.....

III. Nội dung cuộc họp

1. Phổ biến điều kiện, chính sách hỗ trợ và các thông tin có liên quan đến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, cụ thể:

- Điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, Điều 22, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về ban hành quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

-

-

2. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Dự kiến tên dự án là:

b) Ý kiến tham gia của các thành phần tham gia cuộc họp:

.....

c) Thống nhất tên dự án là:

Biểu quyết: hộ/... tổng số hộ tham gia.

3. Đối tượng tham gia dự án

a) Ý kiến bình xét đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

.....

b) Số đối tượng được lựa chọn tham gia dự án: hộ, trong đó:
(nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...).

Lưu ý: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo (theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

- Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo.

4. Xác định kinh phí thực hiện dự án:

Trên cơ sở chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khả năng huy động kinh phí hợp pháp khác, cuộc họp đã thảo luận, tính toán, thống nhất kinh phí thực hiện dự án, như sau:

Tổng kinh phí là: đồng, gồm:

- Đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng

- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng

- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng

- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: đồng

5. Nội dung hoạt động

5.1. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất lựa chọn các nội dung hoạt động đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung (1) *Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm*, (2) *Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi*, (3) *Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm*; vì vậy, cuộc họp bàn bạc, thống nhất lựa chọn trong các nội dung này đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ.

5.2. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất các nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

.....

 - Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....

 - Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....
Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác, ví dụ: (1) *Xây dựng, quản lý dự án*, (2) *Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương*, (3) *Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả*.

6. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quy vòng trong cộng đồng

a) Thống nhất tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: %.

b) Thời gian thu, nộp:

.....
 c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng: Theo quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày / / của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

.....
 (Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

8. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết :.....

.....

IV. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cuộc họp thống nhất đề cộng đồng dân cư xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị dự án/phương án sản xuất trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Cuộc họp đã kết thúc vào giờ cùng ngày, đọc lại cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất nội dung biên bản./.

Đại diện nhóm hộ/Tổ hợp tác/cộng đồng	Đại diện UBND Xã	Thư ký	Chủ trì cuộc họp
--	-----------------------------------	---------------	-------------------------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG
(Xây dựng nông thôn mới hoặc Giảm nghèo bền vững hoặc Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022 - 2025)

Kính gửi:

Cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CMTND/CCCD..... ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Trên cơ sở Biên bản họp dân ngày..... tháng.....năm....., Cộng đồng dân cư đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, với các nội dung cụ thể sau:

I. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

2. Số đối tượng được lựa chọn tham gia dự án: hộ, trong đó:
(nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác,...).

Đối tượng tham gia dự án đạt% ($\geq 50\%$) đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án hoặc Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.....; trong đó có % đối tượng tham gia dự án hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

3. Kinh phí thực hiện dự án

Tổng kinh phí: đồng, gồm:

- Đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng

- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng
- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: đồng

4. Nội dung hoạt động

4.1. Nội dung hoạt động đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung: (1) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm; (2) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi; (3) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

4.2. Nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....

Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác, ví dụ: (1) Xây dựng, quản lý dự án; (2) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương; (3) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

5. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quy vòng trong cộng đồng

- a) Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: %.

- b) Thời gian thu, nộp:

- c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng: Theo quy định tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

7. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:

II. CAM KẾT: (tên Cộng đồng dân cư)..... cam kết:

1. Đảm bảo tính chính xác của những thông tin nêu trên.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đối ứng đủ kinh phí huy động từ nguồn khác theo nội dung đã đăng ký và dự án được phê duyệt.
4. Đảm bảo thực hiện quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ theo nội dung đã đăng ký và dự án được phê duyệt.
5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.
6. Nếu không thực hiện đúng cam kết nêu trên, cộng đồng dân cư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan đơn vị giao vốn và trước pháp luật.

III. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ký, ghi họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.....

Tên dự án:

1. Cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CMTND/CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

2. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu chung:.....

b) Mục tiêu cụ thể: Sau chu kỳ sản xuất các đối tượng tham gia dự án sẽ tăng thu nhập từ đồng trở lên (*xác định trên cơ sở khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sản xuất được và quy đổi thành tiền theo giá trị tại thời điểm tính toán*); các đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo mục tiêu có hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (nếu có).

3. Đối tượng tham gia dự án: hộ, trong đó: (*nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác,...*).

Đối tượng tham gia dự án đạt% ($\geq 50\%$) đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án ... hoặc Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó có % đối tượng tham gia dự án hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo.

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn triển khai dự án:

6. Nội dung hoạt động của dự án

6.1. Nội dung hoạt động hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung: (1) *Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm;* (2) *Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi;* (3) *Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.*

6.2. Nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

.....

 - Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....

 - Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....
Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác, ví dụ: (1) *Xây dựng, quản lý dự án;* (2) *Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương;* (3) *Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.*

7. Tổng kinh phí thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng
- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ... đồng

(Có Mẫu dự toán chi tiết đính kèm theo)

8. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
- Thời gian hỗ trợ: Năm hoặc Giai đoạn

9. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quy vòng trong cộng đồng

a) Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: %.

b) Thời gian thu, nộp:

c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng: Theo quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày / / của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

11. Hiệu quả thực hiện của dự án, phương án

- Hiệu quả về kinh tế
- Hiệu quả về xã hội
- Hiệu quả về môi trường

12. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

13. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:

14. Tổ chức thực hiện dự án:

15. Các nội dung liên quan khác

Kính đề nghị xem xét, phê duyệt dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia/.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(ký, ghi rõ họ tên)

(Kèm theo dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng)

[illegible]